TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG ANH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 235/2022/KDTM-ST
Ngày: 17/10/2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành viên Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Triệu Thúy Hà**.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. BÀ Hoàng Thị An;
2. Bà **Trần Thị Đông**.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông **Hoàng Minh Anh** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đông Anh, Hà N.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Doãn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án 134/2022/TLST-DS về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2022/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên toà ngày 30 tháng 9 năm 2022, , giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TNHH MTV S Việt Nam.

Trụ sở chính: Tầng trệt, tầng lửng, tầng 2,3,11,15 Toà nhà E, số 138 – 142 Hai Bà T, Phường Đa K, Quận 1, Thành phố Hồ Chí M.

Bị đơn: Bà Lê Thị D, sinh năm 1994.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn Thuỵ L, xã Thuỵ L, huyện Đông A, Hà N.

Có mặt: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.
Vắng mặt: Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn trình bày:*

1. **Quá trình ký kết Hợp đồng tín dụng**

Bà Lê Thị D lập Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân S kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng vào ngày 08/03/2019, hạn mức tín dụng ban đầu cấp cho Bà D là **180,000,000 VNĐ** (*bằng chữ: Một trăm tám mươi triệu đồng*).

2. **Quá trình thực hiện hợp đồng :**

Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng đứng tên Bà Lê Thị D với hạn mức **180,000,000 VNĐ**, lãi suất sẽ được tính tại thời điểm sử dụng thẻ. Quá trình sử dụng thẻ, Bà D đã chi tiêu và thanh toán trong thời gian đầu sử dụng. Tính đến ngày 05/04/2022, tổng dư nợ khoản chi tiêu thẻ tín dụng của Bà D tại Ngân hàng là: **229,039,866 VNĐ** *(bằng chữ: Hai trăm hai mươi chín triệu,không trăm ba mươi chín ngàn, tám trăm sáu mươi sáu đồng)*, trong đó:

- **Nợ gốc: 179,939,000 VND**
- **Nợ lãi: 45,028,529 VND**
- **Phí trả chậm: 4,072,337 VND**

Sau khi phát sinh nợ quá hạn, Ngân hàng đã đôn đốc, tạo điều kiện cho Bà Lê Thị D trả nợ nhưng Bà D đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Việc làm trên của Bà D đã gây ảnh hưởng lớn đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng.

3. **Yêu cầu khởi kiện**: Ngân hàng TNHH MTV S Việt Nam đề nghị Tòa án xem xét giải quyết:

3.1. Buộc Bà Lê Thị D phải trả Ngân hàng TNHH MTV S Việt Nam số tiền tạm tính đến ngày 05/04/2022 là: **229,039,866 VNĐ** *(bằng chữ: Hai trăm hai mươi chín triệu,không trăm ba mươi chín ngàn, tám trăm sáu mươi sáu đồng)*, Đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi, lãi phạt theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cho đến ngày Bà D thanh toán toàn bộ khoản vay.

3.2. Trường hợp Bà D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng TNHH MTV S Việt Nam được yêu cầu cơ quan thi hành án buộc Bà Lê Thị D thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

*** Tại phiên tòa xét xử**,

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đại diện nguyên đơn thuyết minh, giải trình về cách tính lãi, trình bày bảng kê tình hình vay nợ đến ngày xét xử. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn khai: Nguyên đơn đã dừng tính lãi trên dư nợ gốc đối với khoản tiền bà D còn nợ kể từ 30/01/2020. Đến thời điểm xét xử là ngày 117/10/2022, nợ gốc và lãi bà D còn nợ nguyên đơn là:

- **Nợ gốc: 179.939.000đồng;**
- **Nợ lãi: 45.028.529đồng;**
- **Phí trả chậm: 4.072.337đồng.**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông A phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự.

-*Về tố tụng*: Quá trình tố tụng, những người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành pháp luật không đầy đủ.

-*Về nội dung vụ án:* Do tại phiên tòa, nguyên đơn giải trình về cách tính lãi đồng thời xuất trình Biểu phí thường niên trong đó có quy định về phí phạt chậm trả của Hợp đồng tín dụng được phát hành dưới hình thức thẻ tín dụng. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Về án phí:* Vụ án áp dụng án phí có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} Về thủ tục tố tụng:

- Thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng, mục đích vay tiền tiêu dùng; Bị đơn cư trú tại Thôn Thụy L, xã Thụy L, huyện Đông A, TP Hà N. Căn cứ Khoản 1 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án huyện Đông A thụ lý vụ án đúng thẩm quyền.

- Về tống đạt: Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng.

- Bị đơn vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc theo giấy triệu tập của Toà án. Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định pháp luật.

Về xét xử vắng mặt các đương sự: Bị đơn vắng mặt không có lý do dù được triệu tập hợp lệ nên căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng pháp luật.

{2} Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

{3} Về nội dung:

{3.1} Hợp đồng tín dụng: Giữa nguyên đơn và bị đơn đã lập Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân S kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với vào ngày 08/03/2019, hạn mức tín dụng ban đầu cấp cho bà D là **180,000,000 đồng** (Bằng chữ: Một trăm tám mươi triệu đồng). Hợp đồng được lập thành văn bản, nội dung thỏa thuận tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Mức lãi suất của Hợp đồng tín dụng phù hợp pháp luật. Do vậy, hợp đồng tín dụng là hợp pháp.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, nguyên đơn thực hiện đúng nghĩa vụ bên cho vay, đã cấp tín dụng để bị đơn chi dùng. Bị đơn sử dụng tiền vay để chi tiêu, đã thực hiện một phần nghĩa vụ trả nợ, sau đó thì vi phạm, không trả tiền nguyên đơn đầy đủ, đúng hạn. Lần sử dụng thẻ tín dụng sau cùng vào ngày 08/4/2019. Phát sinh nợ quá hạn từ ngày 25/9/2019. Do vậy nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ theo thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng đã ký kết là có căn cứ. Để chứng minh cho yêu cầu của mình, nguyên đơn đã cung cấp Hợp đồng phát hành thẻ tín dụng, các tài liệu kèm theo Hợp đồng tín dụng như: Lịch sử giao dịch, chi tiêu thẻ tín dụng của bị đơn, biểu lãi, phí thường niên của Ngân hàng được công bố công khai trên Webside của Ngân hàng được các bên thừa nhận và thống nhất ký kết tại Đơn đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân S kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đề ngày 08/3/2019 do chính bà D ký. Tại Mục IV trang 3 của tại Đơn đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân S kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng bà D cam kết tuân thủ các trách nhiệm, nghĩa vụ ràng buộc quy định trong " Các điều kiện chung của Ngân hàng, điều khoản và điều kiện riêng của Thẻ, Biểu phí thẻ..".

Quá trình tố tụng, Bị đơn bà D đã được tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, các chứng cứ có trong hồ sơ đã được công khai nhưng không có ý kiến phản đối của bị đơn. Như vậy, theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào những chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn, nguyên đơn khởi kiện là chính đáng, có căn cứ, được chấp nhận.

Xác định bị đơn bà Lê Thị D vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Buộc bị đơn phải trả nguyên đơn số tiền tính đến hết ngày 17/10/2022 là: **229.039.866 đồng** *(bằng chữ: Hai trăm hai mươi chín triệu,không trăm ba mươi chín ngàn, tám trăm sáu mươi sáu đồng)*, trong đó:

- **Nợ gốc: 179.939.000đồng;**
- **Nợ lãi: 45.028.529đồng;**
- **Phí trả chậm: 4.072.337đồng.**

(Có Bảng kê tính lãi của ngân hàng lưu trong hồ sơ vụ án).

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không buộc bị đơn phải tiếp tục chịu tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 18/10/2022 cho đến khi thanh toán xon toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp bị đơn không trả hoặc trả không đầy đủ nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết nên trên, nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án buộc bà D thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

{5}Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật để sung vào Ngân sách Nhà nước.

{6} Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, 266, 271, 273, 277 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Luật Thi hành án dân sự;
- Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2011 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Ngân hàng TNHH MTV S Việt Nam đối với bà Lê Thị D về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng".

2. Buộc bà Lê Thị D phải trả nguyên đơn số tiền tính đến hết ngày 17/10/2022 là: **229.039.866 đồng** *(bằng chữ: Hai trăm hai mươi chín triệu,không trăm ba mươi chín ngàn, tám trăm sáu mươi sáu đồng)*, trong đó:

- **Nợ gốc: 179.939.000đồng;**
- **Nợ lãi: 45.028.529đồng;**

- Phí trả chậm: 4.072.337đồng.

Về lãi suất sau thời điểm xét xử: Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không buộc bị đơn phải tiếp tục chịu tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ sau thời điểm xét xử đến khi thanh toán xong khoản nợ cho nguyên đơn .

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm**:** Bị đơn bà Lê Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.451.993 đồng.

Trong thời hạn 05 năm kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền ra quyết định thi hành án.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt tại phiên tòa đều có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa đều có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chỉ có quyền kháng cáo về phần có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà N;
- VKSND thành phố Hà N;
- VKSND huyện Đông A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Triệu Thúy Hà